

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: **68** /2026/VBHN-NĐ-
BCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **9** tháng **7** năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về cơ chế, thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân

Nghị định số 72/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định về cơ chế, thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 278/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định về cơ chế, thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương¹;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cơ chế, thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chi tiết điểm a khoản 3 Điều 50 và điểm c khoản 2 Điều 52 Luật Điện lực, bao gồm:

a) Điểm a khoản 3 Điều 50 quy định cơ chế, thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân;

b) Điểm c khoản 2 Điều 52 quy định giá bán lẻ điện được phản ánh và điều chỉnh kịp thời theo biến động thực tế của thông số đầu vào, bù đắp chi phí hợp lý,

¹ Nghị định số 278/2026/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định về cơ chế, thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân.”

hợp lệ với lợi nhuận hợp lý để bảo toàn, phát triển vốn kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng thời kỳ và cấp độ thị trường điện cạnh tranh.

2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện lực và sử dụng điện.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bên mua điện là Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

2. Bên bán điện là đơn vị phát điện, tổ chức, cá nhân thực hiện hợp đồng mua bán điện có ký hợp đồng mua bán điện với Bên mua điện.

3. Giá bán lẻ điện bình quân là mức giá bán lẻ điện được xác định theo nguyên tắc tính tổng chi phí sản xuất, kinh doanh điện và mức lợi nhuận bình quân cho 01 kWh thương phẩm trong từng thời kỳ.

4. Giá bán lẻ điện bình quân hiện hành là mức giá bán lẻ điện bình quân đang áp dụng tại thời điểm xem xét điều chỉnh giá điện.

5. Khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân (sau đây viết tắt là khung giá) là phạm vi giữa mức giá bán lẻ điện tối thiểu và mức giá bán lẻ điện tối đa.

6. Năm N là năm giá bán lẻ điện bình quân được xây dựng theo quy định tại Nghị định này.

7. Thông số đầu vào cơ bản trong khâu phát điện là các yếu tố có tác động trực tiếp đến chi phí phát điện mà đơn vị điện lực không có khả năng kiểm soát, bao gồm giá nhiên liệu, tỷ giá ngoại tệ, cơ cấu sản lượng điện phát và chi phí mua điện trên thị trường điện, trong đó chi phí mua điện trên thị trường điện là chi phí thanh toán cho các đơn vị phát điện tham gia thị trường điện theo quy định vận hành thị trường điện do Bộ Công Thương ban hành.

Chương II

CƠ CHẾ, THỜI GIAN ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN BÌNH QUÂN

Mục 1

CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN BÌNH QUÂN

Điều 3. Nguyên tắc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân

1. Hằng năm, sau khi Tập đoàn Điện lực Việt Nam công bố công khai chi phí sản xuất kinh doanh điện năm $N-2$, giá bán lẻ điện bình quân năm N được xem xét, điều chỉnh theo biến động khách quan thông số đầu vào của tất cả các khâu (phát điện, truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực, dịch vụ phụ trợ hệ thống điện và điều

hành - quản lý ngành) và việc phân bổ các khoản chi phí khác chưa được tính vào giá điện.

2. Trong năm, giá bán lẻ điện bình quân được xem xét điều chỉnh trên cơ sở cập nhật chi phí khâu phát điện, chi phí mua điện từ các nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ theo thông số đầu vào cơ bản trong khâu phát điện và các khoản chi phí khác chưa được tính vào giá điện.

3. Khi giá bán lẻ điện bình quân giảm từ 1% trở lên so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành thì giá điện được phép điều chỉnh giảm tương ứng.

4. Khi giá bán lẻ điện bình quân tăng từ 2% trở lên so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành thì giá điện được phép điều chỉnh tăng.

5. Giá bán lẻ điện bình quân được tính toán theo quy định tại Điều 4 Nghị định này. Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân tính toán nằm ngoài khung giá, chỉ được xem xét điều chỉnh trong phạm vi khung giá do Thủ tướng Chính phủ quy định. Tập đoàn Điện lực Việt Nam được điều chỉnh tăng hoặc giảm giá bán lẻ điện bình quân trong phạm vi khung giá theo cơ chế quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định này.

Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân cần điều chỉnh cao hơn giá bán lẻ điện bình quân hiện hành từ 10% trở lên, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan kiểm tra, rà soát và báo cáo Chính phủ xem xét, cho ý kiến. Trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan báo cáo Ban Chỉ đạo điều hành giá trước khi báo cáo Chính phủ.

6. Việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân phải thực hiện công khai, minh bạch.

Điều 4. Phương pháp lập giá bán lẻ điện bình quân

1. Giá bán lẻ điện bình quân được lập trên cơ sở chi phí khâu phát điện, chi phí mua các dịch vụ truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực, chi phí dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, chi phí điều hành - quản lý ngành, các khoản chi phí khác được phân bổ và chỉ bao gồm những chi phí phục vụ trực tiếp cho việc sản xuất, cung ứng điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam để đảm bảo khả năng vận hành, cung ứng điện và đáp ứng nhu cầu đầu tư theo kế hoạch được duyệt, trong đó chi phí các khâu có tính đến các khoản giảm trừ giá thành theo quy định.

2. Giá bán lẻ điện bình quân năm N (G_{BQ}) được xác định theo công thức sau:

$$G_{BQ} = \frac{C_{PD}}{A_{TP}} + \frac{C_{DVPT} + C_{TT} + C_{PP-BL} + C_{chung} + C_{ĐĐ}}{A_{TP}} + \frac{C_{khac}}{A_{TP}}$$

Trong đó:

a) C_{PD} : Tổng chi phí khâu phát điện năm N (đồng), được xác định theo công thức sau:

$$C_{PD} = C_{TTD} + C_{DMT} + C_{BOT} + C_{TTN} + C_{NLTT} + C_{NK}$$

Trong đó:

C_{TTD} : Tổng chi phí mua điện năm N (đồng) từ các nhà máy điện trực tiếp và gián tiếp tham gia thị trường điện;

C_{DMT} : Tổng chi phí và lợi nhuận định mức năm N (đồng) từ các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu và nhà máy điện hạch toán phụ thuộc khác trong giai đoạn chưa tham gia thị trường điện cạnh tranh của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trong đó tổng chi phí được xác định theo quy định do Bộ Công Thương ban hành;

C_{BOT} : Tổng chi phí mua điện năm N (đồng) từ các nhà máy điện BOT;

C_{TTN} : Tổng chi phí mua điện năm N (đồng) từ các nhà máy năng lượng tái tạo nhỏ;

C_{NLTT} : Tổng chi phí mua điện năm N (đồng) từ các nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo và năng lượng mới, bao gồm cả hệ thống lưu trữ điện;

C_{NK} : Tổng chi phí mua điện năm N (đồng) từ nhập khẩu điện;

b) C_{DVPT} : Tổng chi phí các nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện năm N (đồng), bao gồm cả chi phí chạy thử nghiệm của các nhà máy điện;

c) C_{TT} : Tổng chi phí mua dịch vụ truyền tải điện năm N (đồng);

d) C_{PP-BL} : Tổng chi phí phân phối - bán lẻ điện và lợi nhuận định mức năm N (đồng), bao gồm cả chi phí huy động các nguồn máy phát điện dự phòng của khách hàng sử dụng điện để bổ sung nguồn cung cho hệ thống điện quốc gia trong tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện;

đ) C_{chung} : Tổng chi phí điều hành - quản lý ngành và lợi nhuận định mức năm N (đồng);

e) C_{DD} : Tổng chi phí mua dịch vụ điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực năm N (đồng);

g) C_{khac} : Tổng các chi phí khác chưa được tính vào giá điện, là các khoản chi phí được phép tính nhưng chưa tính vào giá điện, bao gồm cả chênh lệch tỷ giá đánh giá lại chưa được phân bổ, chênh lệch tỷ giá chưa được ghi nhận và thanh toán cho các nhà máy điện theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán điện, được tính toán phân bổ vào giá bán lẻ điện bình quân năm N (đồng);

h) A_{TP} : Tổng sản lượng điện thương phẩm dự kiến cho năm N (kWh).

3. Chi phí mua điện từ Bên bán điện được thực hiện theo quy định vận hành thị trường điện theo từng cấp độ do Bộ Công Thương ban hành và theo Hợp đồng mua bán điện đã ký kết giữa Bên bán điện và Bên mua điện.

4. Chi phí mua dịch vụ truyền tải điện, chi phí mua dịch vụ phân phối - bán lẻ điện, chi phí mua dịch vụ điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực, chi phí các nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, chi phí điều hành - quản lý ngành được xác định trên cơ sở chi phí cộng lợi nhuận định mức của các khâu truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực, các nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, điều hành - quản lý ngành của Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo quy định do Bộ Công Thương ban hành theo từng cấp độ thị trường điện. Các khoản giảm trừ giá thành được xác định trên cơ sở số liệu tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

5. Lợi nhuận định mức năm N (LN_N) trong tính toán giá bán lẻ điện bình quân (đồng) của các khâu phân phối - bán lẻ điện; điều hành - quản lý ngành; các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu và nhà máy điện hạch toán phụ thuộc khác trong giai đoạn chưa tham gia thị trường điện cạnh tranh của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được xác định theo công thức sau:

$$ln_N = \frac{V_{CSH_N} \times ROE_N}{1 - T_{TNDN_N}}$$

Trong đó:

V_{CSH_N} : Vốn chủ sở hữu (đồng) của các khâu phân phối - bán lẻ điện; điều hành - quản lý ngành; nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu và nhà máy điện hạch toán phụ thuộc khác trong giai đoạn chưa tham gia thị trường điện cạnh tranh của Tập đoàn Điện lực Việt Nam dùng cho sản xuất kinh doanh điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày 30 tháng 6 trong trường hợp chưa có số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12) năm $N-1$;

ROE_N : Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%) không thấp hơn bình quân theo ngày lãi suất liên ngân hàng thời hạn 06 tháng đăng tải trên cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của năm $N-2$;

T_{TNDN_N} : Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong tính toán giá bán lẻ điện bình quân (%) được áp dụng bằng mức quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% và được cập nhật nếu có thay đổi về quy định thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 5. Điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân hằng năm

1. Trên cơ sở kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện năm N do Bộ Công Thương ban hành, chi phí sản xuất, kinh doanh điện năm $N-2$ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, ước kết quả sản xuất kinh doanh điện năm $N-1$ (trong

trường hợp chưa công bố chi phí sản xuất kinh doanh điện năm $N-1$), trước ngày 25 tháng 01 năm N Tập đoàn Điện lực Việt Nam tính toán giá bán lẻ điện bình quân theo công thức quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này, thực hiện yêu cầu về hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này và thực hiện như sau:

a)² Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân tính toán giảm dưới 1% hoặc tăng dưới 2% so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương về việc không điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân và lập hồ sơ gửi Bộ Công Thương để kiểm tra, giám sát;

b)³ Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân tính toán giảm từ 1% trở lên so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành hoặc giá bán lẻ điện bình quân cần điều chỉnh tăng từ 2% đến dưới 5% so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành, Tập đoàn Điện lực Việt Nam lập hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân báo cáo Bộ Công Thương kiểm tra, rà soát và cho ý kiến. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bộ Công Thương có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản về kết quả tính toán giá điện. Tập đoàn Điện lực Việt Nam quyết định việc điều chỉnh giảm giá bán lẻ điện bình quân hoặc điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện bình quân sau khi Bộ Công Thương có ý kiến bằng văn bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện điều chỉnh, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương để kiểm tra, giám sát;

c) Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân cần điều chỉnh tăng từ 5% đến dưới 10% so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành, Tập đoàn Điện lực Việt Nam được phép điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện bình quân ở mức tương ứng sau khi báo cáo và được Bộ Công Thương chấp thuận. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bộ Công Thương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản để Tập đoàn Điện lực Việt Nam triển khai thực hiện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện điều chỉnh, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương để giám sát;

d) Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân cần điều chỉnh tăng từ 10% trở lên so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành, trên cơ sở hồ sơ phương án giá điện do Tập đoàn Điện lực Việt Nam trình, Bộ Công Thương chủ trì kiểm tra, rà soát và gửi lấy ý kiến các bộ, cơ quan liên quan. Trên cơ sở ý kiến góp ý các bộ, cơ quan liên quan, Bộ Công Thương tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, cho ý kiến. Trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương phối hợp với các bộ, cơ quan liên

² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 278/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2026.

³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 278/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2026.

quan báo cáo Ban Chỉ đạo điều hành giá trước khi báo cáo Chính phủ.

2. Hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân hằng năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm:

a) Công văn báo cáo về phương án giá bán lẻ điện bình quân hằng năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trong đó bao gồm các nội dung phân tích, đánh giá tình hình chi phí sản xuất kinh doanh điện các khâu;

b) Các nội dung kèm theo Công văn báo cáo phương án giá bán lẻ điện bình quân hằng năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm: nguyên tắc tính toán chi phí từng khâu (phát điện, truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực, điều hành - quản lý ngành), trong đó có nguyên tắc dự kiến các thông số đầu vào như tỷ giá ngoại tệ, giá nhiên liệu trong nước và giá nhiên liệu nhập khẩu, giá các nhà máy điện dự kiến đưa vào vận hành trong năm tính toán nhưng chưa có hợp đồng mua bán điện; bảng tổng hợp kết quả tính toán chi phí từng khâu; bảng chi tiết số liệu tính toán chi phí từng khâu; các tài liệu, văn bản sử dụng làm căn cứ, cơ sở trong việc tính toán; thuyết minh các định mức chi phí và các đơn giá được sử dụng trong tính toán chi phí dự kiến năm N của các khâu (nếu có); thuyết minh các chi phí sản xuất kinh doanh điện chưa được tính vào giá bán lẻ điện nhưng đã được phân bổ vào giá thành sản xuất kinh doanh điện và số dư còn lại dự kiến phân bổ vào giá bán lẻ điện bình quân năm N ; báo cáo đánh giá ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá điện đến chi phí mua điện của khách hàng sử dụng điện.

Điều 6. Điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân trong năm

1. Trước ngày 25 tháng đầu tiên quý II, quý III và quý IV, Tập đoàn Điện lực Việt Nam xác định sản lượng điện thương phẩm thực tế của quý trước và tổng sản lượng điện thương phẩm cộng dồn từ đầu năm, ước sản lượng điện thương phẩm các tháng còn lại trong năm; xác định chi phí phát điện của quý trước liền kề, chi phí phát điện cộng dồn từ đầu năm (bao gồm cả chi phí mua điện từ các nhà máy cung cấp dịch vụ phụ trợ), ước chi phí khâu phát điện các tháng còn lại trong năm theo thông số đầu vào cơ bản trong khâu phát điện và cập nhật các khoản chi phí khác chưa được tính vào giá bán lẻ điện bình quân để tính toán lại giá bán lẻ điện bình quân theo công thức quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này (các thông số khác giữ nguyên không thay đổi), thực hiện yêu cầu về hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này và thực hiện như sau:

a)⁴ Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân tính toán giảm dưới 1% hoặc tăng dưới 2% so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương về việc không điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân và lập hồ sơ gửi Bộ Công Thương để kiểm tra, giám sát;

⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 278/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2026.

b)⁵ Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân tính toán giảm từ 1% trở lên so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành hoặc giá bán lẻ điện bình quân cần điều chỉnh tăng từ 2% đến dưới 5% so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành, Tập đoàn Điện lực Việt Nam lập hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân báo cáo Bộ Công Thương kiểm tra, rà soát và cho ý kiến. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bộ Công Thương có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản về kết quả tính toán giá điện. Tập đoàn Điện lực Việt Nam quyết định việc điều chỉnh giảm giá bán lẻ điện bình quân hoặc điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện bình quân sau khi Bộ Công Thương có ý kiến bằng văn bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện điều chỉnh, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương để kiểm tra, giám sát;

c) Trường hợp sau khi tính toán cập nhật, giá bán lẻ điện bình quân cần điều chỉnh cao hơn so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành từ 5% đến dưới 10%, Tập đoàn Điện lực Việt Nam được phép điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện bình quân ở mức tương ứng sau khi báo cáo và được Bộ Công Thương chấp thuận. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bộ Công Thương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản để Tập đoàn Điện lực Việt Nam triển khai thực hiện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện điều chỉnh, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương để giám sát;

d) Trường hợp sau khi tính toán cập nhật, giá bán lẻ điện bình quân cần điều chỉnh cao hơn so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành từ 10% trở lên, trên cơ sở hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân do Tập đoàn Điện lực Việt Nam trình, Bộ Công Thương chủ trì kiểm tra, rà soát và gửi lấy ý kiến các bộ, cơ quan liên quan. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan liên quan, Bộ Công Thương tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, cho ý kiến. Trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan báo cáo Ban Chỉ đạo điều hành giá trước khi báo cáo Chính phủ.

2. Hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân trong năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm:

a) Công văn báo cáo về phương án giá bán lẻ điện bình quân trong năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trong đó bao gồm các nội dung phân tích, đánh giá tình hình thực hiện chi phí khâu phát điện của quý trước liền kề;

b) Các nội dung kèm theo Công văn báo cáo phương án giá bán lẻ điện bình quân của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm: nguyên tắc tính toán cập nhật chi phí khâu phát điện, trong đó có nguyên tắc dự kiến các thông số đầu vào như tỷ giá ngoại tệ, giá nhiên liệu trong nước và giá nhiên liệu nhập khẩu, giá các nhà

⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 278/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2026.

máy điện dự kiến đưa vào vận hành trong năm tính toán nhưng chưa có hợp đồng mua bán điện; bảng tổng hợp kết quả tính toán và bảng chi tiết số liệu tính toán chi phí khâu phát điện; các tài liệu, văn bản sử dụng làm căn cứ, cơ sở trong việc tính toán; thuyết minh các định mức chi phí và các đơn giá được sử dụng trong tính toán cập nhật chi phí dự kiến năm N của khâu phát điện (nếu có); thuyết minh các chi phí sản xuất kinh doanh điện chưa được tính vào giá bán lẻ điện nhưng đã được phân bổ vào giá thành sản xuất kinh doanh điện và số dư còn lại dự kiến phân bổ vào giá bán lẻ điện bình quân năm N ; báo cáo đánh giá ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá điện đến chi phí mua điện của khách hàng sử dụng điện.

Điều 7. Kiểm tra giá bán lẻ điện bình quân⁶

1. Kiểm tra điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân

a) Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân cần điều chỉnh giảm mà Tập đoàn Điện lực Việt Nam không điều chỉnh giảm, Bộ Công Thương có trách nhiệm yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam điều chỉnh giảm giá bán lẻ điện bình quân. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của Bộ Công Thương trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu;

b) Trường hợp phát hiện có sai sót về kết quả tính toán giá điện trong quá trình Bộ Công Thương kiểm tra, rà soát phương án giá bán lẻ điện bình quân do Tập đoàn Điện lực Việt Nam lập theo quy định tại khoản 2 Điều 4 và báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Nghị định này, Bộ Công Thương có trách nhiệm yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam cập nhật, điều chỉnh phương án giá bán lẻ điện bình quân. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của Bộ Công Thương trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

2. Kiểm tra thực hiện các khâu của giá bán lẻ điện bình quân hằng năm

a) Trước ngày 30 tháng 6 năm N , Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương chi phí thực tế thực hiện các khâu của năm $N-1$ tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan kiểm tra chi phí thực tế thực hiện các khâu năm $N-1$ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương được phép thuê tư vấn độc lập phối hợp thực hiện việc kiểm tra, thẩm tra chi phí thực tế thực hiện các khâu của năm $N-1$ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

b) Bộ Công Thương công bố công khai kết quả kiểm tra các chi phí thực tế thực hiện các khâu năm $N-1$ trên trang Thông tin điện tử của Bộ Công Thương;

c) Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định khoản 2 Điều này;

d) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện có sai sót về kết

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 278/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2026.

quả tính toán giá bán lẻ điện bình quân, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh phương án giá bán lẻ điện bình quân trong các lần điều chỉnh tiếp theo.”.

Mục 2

THỜI GIAN ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN BÌNH QUÂN

Điều 8. Thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân

Thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân tối thiểu là 03 tháng kể từ lần điều chỉnh giá điện gần nhất.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁷

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn Tập đoàn Điện lực Việt Nam tính toán giá bán lẻ điện bình quân theo quy định tại Điều 4 Nghị định này;

b) Chủ trì kiểm tra theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Các bộ, cơ quan liên quan có trách nhiệm:

a) Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện Nghị định này với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về giá;

b) Các bộ, cơ quan liên quan có ý kiến tham gia, phối hợp đối với các nội dung liên quan trong phạm vi được phân công quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật.

3. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm:

a) Thực hiện tính toán giá bán lẻ điện bình quân theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định này và gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo phương án giá bán lẻ điện bình quân đến Bộ Công Thương;

⁷ Các Điều 2 và 3 của Nghị định số 278/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2026 có quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”.

b) Thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân, gửi các báo cáo để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. ✓

BỘ CÔNG THƯƠNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 9 tháng 7 năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Long

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ Pháp chế (để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Báo Công Thương (để đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương);
- Lưu: VT, ĐL.

THƯƠNG



15/10/1975